

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DS - ST
Ngày 30 - 12 - 2024
V/v Buộc thực hiện nghĩa
vụ trả lãi theo hợp đồng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Bà Diệp Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2024/TLST - DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Buộc thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Triệu Đức Q, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Bà Trương Thị S, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1986; anh Triệu Đức T, sinh năm 1983; đều ở địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị S, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/4/2019 âm lịch chị Nt cùng bà Nguyễn Thị Đ đến nhà ông Q, chị N hỏi vay ông Q số tiền 50.000.000đ, bà Đ là người làm chứng. Vì tin tưởng đã có người làm chứng là bà Đ nên ông Q mới nhất trí cho chị N vay số tiền

50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/1 tháng. Đến ngày 28/7/2023 dương lịch (tức ngày 11/6/2023 âm lịch) tiền lãi tổng cộng là 18.000.000đ. Ngày 28/7/2023 dương lịch (tức ngày 11/6/2023 âm lịch) anh T, chị N đã trả được 50.000.000đ tiền gốc, bà Trương Thị S (vợ ông Q) đã nhận đủ 50.000.000đ, ông Q, bà S đã thống nhất cho anh T, chị N 5.000.000đ tiền lãi, anh T, chị N còn nợ lại 13.000.000đ tiền lãi, chị N hẹn sẽ trả dần. Gia đình ông Q đã nhiều lần yêu cầu anh T, chị N trả nợ số tiền 13.000.000đ nhưng anh T, chị N không trả. Nay ông Q yêu cầu anh T, chị N phải trả cho ông số tiền còn nợ 13.000.000đ, ông Q không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Triệu Đức T, chị Hoàng Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh T, chị N đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh T, chị N phải trả nợ cho ông Q số tiền 13.000.000đ.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn ông Triệu Đức Q khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Triệu Đức T, chị Hoàng Thị N trả số tiền lãi 13.000.000đ còn nợ theo như cam kết trong giấy trả tiền đề ngày 11/6/2023, vì vậy quan hệ pháp luật là “Tranh chấp buộc thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T, chị N có địa chỉ tại xã Đ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Về việc vắng mặt của bị đơn anh T, chị N:* Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp

không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T, chị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt. Như vậy việc bị đơn vắng mặt thuộc trường hợp cố tình không hợp tác làm việc với Tòa án. Không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù anh T, chị N đã nhận được các thủ tục tố tụng của Tòa án nên anh T, chị N tự chịu trách nhiệm. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Đức Q đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T, chị N trả số tiền 13.000.000đ, Hội đồng xét xử thấy:

Năm 2019, anh T, chị N có vay ông Q số tiền 50.000.000đ, giữa hai bên có viết giấy vay tiền với nhau, có thỏa thuận tiền lãi vay. Bị đơn anh T, chị N không hợp tác làm việc nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2024, ông Triệu Đức T là bố đẻ anh T trình bày: Anh T, chị N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cùng các thủ tục tố tụng khác của Tòa án nhưng anh T chị N phải đi làm nên không lên Tòa án làm việc được. Ông T có biết việc anh T, chị N vay của ông Q số tiền 50.000.000đ vào năm 2019, hai bên có thỏa thuận lãi, ông T cũng nghe nói anh T, chị N đã trả được cho ông Q 50.000.000đ tiền gốc, hiện nay chỉ còn nợ lại 13.000.000đ tiền lãi; Anh T, chị N đã biết ông Q khởi kiện, nhưng do hiện nay anh T, chị N có khó khăn về kinh tế nên chưa trả được nợ cho ông Q. Về phía người làm chứng là bà Nguyễn Thị Đ cũng thừa nhận nội dung anh T, chị N có vay của ông Q số tiền 50.000.000đ, hai bên có thỏa thuận lãi vay và thừa nhận chữ ký, chữ viết của người làm chứng đúng là của bà Đ, chữ ký, chữ viết mục người vay đúng là của chị Hoàng Thị N và khi hai bên thống nhất việc hiện anh T, chị N còn nợ ông Q bà S số tiền lãi là 13.000.000đ thì bà Đ cũng chứng kiến. Bà Đ cũng biết đến nay anh T, chị N chưa trả được cho ông Q bà S số tiền 13.000.000đ tiền lãi.

Việc anh T, chị N đề nghị ông Q cho giãn nợ nhưng anh T, chị N không có mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa để thỏa thuận với nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, phía nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận, mặt khác nguyên đơn là người cao tuổi nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật

Thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Đức Q về việc yêu cầu anh Triệu Đức T, chị Hoàng Thị N trả nợ tiền.

- Buộc anh Triệu Đức T, chị Hoàng Thị N phải trả cho ông Triệu Đức Q số tiền 13.000.000đồng (Mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T, chị N không thanh toán khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Triệu Đức T, chị Hoàng Thị N phải chịu 650.000đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu: HS- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh